

Số 23 /BC-VPĐP

Quảng Trị, ngày 05 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 (Đến 31/1/2018)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng điều phối nông thôn mới báo cáo kết quả giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 như sau:

I. Kết quả phân bổ vốn

1. Đối với nguồn ngân sách Trung ương

Nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ năm 2017 là: 123.880 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 95.980 triệu đồng
- + Vốn chương trình MTQG NTM phân bổ đợt 1 (Quyết định 648/QĐ-UBND ngày 3/4/2017 của UBND tỉnh) và đợt 2 (Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh): 79.980 triệu đồng
- + Vốn khen thưởng đợt 1: 11.000 triệu đồng
- + Vốn khen thưởng đợt 2: 5.000 triệu đồng (thời hạn giải ngân cho phép đến 30/6/2018)
- Vốn sự nghiệp: 27.900 triệu đồng
- + Vốn chương trình MTQG NTM phân bổ đợt 1 (Quyết định 648/QĐ-UBND ngày 3/4/2017 của UBND tỉnh): 26.900 triệu đồng
- + Vốn chương trình MTQG NTM phân bổ đợt 2 (Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh) 1.000 triệu đồng

2 Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 02/HĐND tỉnh ngày 25/4/2015 của HĐND tỉnh, năm 2017, nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng nông thôn mới là 20.000 triệu đồng, phân bổ cụ thể như sau:

- Cấp bù lãi suất hỗ trợ phát triển sản xuất : 3.700 triệu đồng
- Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016: 11.755,05 triệu đồng.

- Thường công trình phúc lợi cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015: 3.000 triệu đồng

- Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017: 1.544,95 triệu đồng.

II. Kết quả giải ngân nguồn vốn

Tính đến thời điểm 31/1/2018, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn kế hoạch năm 2017 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới địa bàn tỉnh đạt 92,76%. Trong đó, vốn đầu tư phát triển cả ngân sách Trung ương và địa phương đạt 95,81% (bao gồm vốn khen thưởng ngân sách Trung ương), vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương đạt 86,37%. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương

- *Vốn đầu tư phát triển*: Tổng nguồn vốn chương trình MTQG được phân bổ là 79.980 triệu đồng; đã giải ngân 76.549,380 triệu đồng, đạt 95,7%. Trong đó, có một số địa phương chưa giải ngân hoặc giải ngân đạt thấp như:

+ Xã Xy (Huyện Hướng Hóa): **chưa giải ngân 100% kế hoạch vốn được phân bổ (1.128 triệu đồng)** – Lý do không thực hiện được công tác giải phóng mặt bằng để thi công công trình do gặp thời điểm người dân đang sản xuất

+ Xã Hải Tân (Huyện Hải Lăng): **chưa giải ngân 100% kế hoạch vốn được phân bổ (282 triệu đồng)** – Lý do: Địa phương muốn điều chỉnh dự án do Công trình trường Tiểu học khu vực Văn Trị xuống cấp nghiêm trọng, cần phải có thêm kinh phí để đầu tư xây dựng toàn bộ

+ Xã Hải Thiện (Huyện Hải Lăng): Tỷ lệ giải ngân đạt thấp: **52,8% (mới giải ngân 148/282 triệu đồng)**: Lý do thời tiết mưa lụt không thi công dự án đường giao thông nông thôn

+ Ngoài ra, các địa phương còn một số kinh phí khác của dự án chưa giải ngân, chiếm tỷ lệ nhỏ.

(Chi tiết theo Biểu 1)

- *Nguồn vốn sự nghiệp*: Tổng nguồn vốn sự nghiệp phân bổ 27.900 triệu đồng, đã giải ngân 24.096,66 triệu đồng, đạt tỷ lệ 86,37%. Trong đó một số dự án có tỷ lệ giải ngân chậm, hoặc chưa giải ngân gồm:

+ Dự án cấp nước xã Gio Quang: **chưa giải ngân 100% kế hoạch vốn được phân bổ (950 triệu đồng)**; Lý do UBND huyện Gio Linh ban hành Quyết định phê duyệt Dự án chậm vào tháng 9/2017 gặp thời điểm mưa lũ nên khó thi công.

+ Dự án cấp nước Cam Hiếu – Cam Thủy: **mới giải ngân 423/902 triệu đồng, đạt 46,9%**. Lý do: Do thủ tục đầu tư triển khai chậm, mới phê duyệt chủ trương đầu tư trong tháng 11/2017.

+ Dự án làng nghề bún Cẩm Thạch – xã Cam An: **chưa giải ngân 100% vốn được phân bổ 1.500 triệu đồng...**Lý do: để thực hiện phương án di dời làng nghề ra xa khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Ngoài ra, các dự án chưa giải ngân hết tập trung vào các dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn do các huyện làm chủ đầu tư; dự án tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề do Huyện Hướng Hóa, thị xã Quảng Trị và Đoàn Kinh tế quốc phòng 337 làm chủ đầu tư

(Chi tiết theo Biểu 2)

- *Nguồn vốn khen thưởng*: Tổng nguồn vốn khen thưởng được phân bổ là 16.000 triệu đồng, đã giải ngân 11.317 triệu đồng, đạt 70,7%. Nguồn vốn này giải ngân chậm do vốn khen thưởng được phân bổ 2 đợt (đợt 1 vào tháng 5/2017 và đợt 2 vào tháng 10/2017). Do đó, hiện nay, các địa phương mới hoàn tất việc giải ngân vốn đợt 1, còn đợt 2, mới có xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng đã giải ngân, còn lại các đơn vị khác chưa giải ngân. Tuy nhiên, theo quy định về thời hạn thanh toán thì nguồn vốn này được thành toán đến 30/6/2018.

(Chi tiết theo Biểu 3)

2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương

Tổng nguồn vốn được phân bổ là 20.000 triệu đồng, trong đó, vốn đầu tư phát triển là 16.700 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.700 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Đã giải ngân 16.089/16.700 triệu đồng, đạt tỷ lệ 98,7%.

- Đối với vốn sự nghiệp: Chưa giải ngân được nguồn hỗ trợ lãi suất vốn vay 3.700 triệu đồng. Lý do, các địa phương đang sử dụng nguồn vốn còn lại của năm 2016 để cho vay. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang đề xuất chuyển nguồn sang thực hiện theo Nghị quyết số 30/NQ- HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh để hỗ trợ các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

(Chi tiết theo Biểu 4)

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, kính đề nghị UBND tỉnh có biện pháp xử lý đối với các địa phương chưa giải ngân hoặc giải ngân chậm dưới 60% theo hướng cắt giảm nguồn phân bổ kế hoạch năm 2018 đối với nguồn vốn

đầu tư phát triển; đối với nguồn vốn sự nghiệp, nếu đơn vị nào không thực hiện tốt việc giải ngân trong năm 2017 sẽ không bố trí kế hoạch vốn năm 2018, hoặc chỉ bố trí 50% vốn.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tổ chức làm việc với các huyện để tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2017 và bàn giải pháp thực hiện tốt hơn trong năm 2018.

Trên đây là báo cáo về kết quả giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017, Văn phòng điều phối nông thôn mới kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH đầu tư; Sở Tài chính;
- Chánh VP, Phó Chánh VP;
- Lưu VT, NTM.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Văn Thu

GIẢI NGÂN VỐN ĐTPPT KẾ HOẠCH 2017 (NSTW)

ĐVT: triệu đồng

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-VTPĐ ngày 05/3/2018 của Văn phòng điều phối
nông thôn mới tỉnh)

Stt	Đơn vị	KH2017	Đã giải ngân	Còn lại	Tỷ lệ
	TỔNG	79,980.000	76,549.380	3,430.620	95.7
I	Huyện Hải Lăng	8,178.000	7,533.271	644.729	92.1
1	Xã Hải An	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
2	Xã Hải Khê	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
3	Xã Hải Quế	846.000	846.000	0.000	100.0
4	Xã Hải Hòa	846.000	626.276	219.724	74.0
5	Xã Hải Thượng	282.000	282.000	0.000	100.0
6	Xã Hải Lâm	282.000	282.000	0.000	100.0
7	Xã Hải Tân	282.000	0.000	282.000	0.0
8	Xã Hải Phú	282.000	282.000	0.000	100.0
9	Xã Hải Xuân	282.000	282.000	0.000	100.0
10	Xã Hải Quy	282.000	282.000	0.000	100.0
11	Xã Hải Sơn	282.000	282.000	0.000	100.0
12	Xã Hải Trường	282.000	282.000	0.000	100.0
13	Xã Hải Chánh	282.000	282.000	0.000	100.0
14	Xã Hải Vĩnh	282.000	282.000	0.000	100.0
15	Xã Hải Thiện	282.000	148.838	133.162	52.8
16	Xã Hải Thành	282.000	282.000	0.000	100.0
17	Xã Hải Dương	282.000	272.157	9.843	96.5
18	Xã Hải Thọ	282.000	282.000	0.000	100.0
19	Xã Hải Ba	282.000	282.000	0.000	100.0
II	Huyện Triệu Phong	8,460.000	8,443.334	16.666	99.8
1	Xã Triệu Độ	1,128.000	1,121.156	6.844	99.4
2	Xã Triệu An	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
3	Xã Triệu Lăng	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
4	Xã Triệu Vân	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
5	Xã Triệu Thành	282.000	282.000	0.000	100.0
6	Xã Triệu Đại	282.000	282.000	0.000	100.0
7	Xã Triệu Phước	282.000	282.000	0.000	100.0
8	Xã Triệu Thuận	282.000	282.000	0.000	100.0
9	Xã Triệu Trạch	282.000	282.000	0.000	100.0
10	Xã Triệu Đông	282.000	282.000	0.000	100.0
11	Xã Triệu Long	282.000	282.000	0.000	100.0
12	Xã Triệu Trung	282.000	282.000	0.000	100.0
13	Xã Triệu Giang	282.000	282.000	0.000	100.0
14	Xã Triệu Thượng	282.000	282.000	0.000	100.0
15	Xã Triệu Tài	282.000	272.178	9.822	96.5
16	Xã Triệu Sơn	282.000	282.000	0.000	100.0
17	Xã Triệu Hòa	282.000	282.000	0.000	100.0
18	Xã Triệu Ái	282.000	282.000	0.000	100.0
III	Huyện Gio Linh	12,542.000	12,491.072	50.928	99.6

Stt	Đơn vị	KH2017	Đã giải ngân	Còn lại	Tỷ lệ
1	Xã Gio An	282.000	270.000	12.000	95.7
2	Xã Linh Thượng	1,128.000	1,110.637	17.363	98.5
3	Xã Gio Việt	1,128.000	1,116.345	11.655	99.0
4	Xã Gio Mai	1,128.000	1,118.090	9.910	99.1
5	Xã Gio Bình	282.000	282.000	0.000	100.0
6	Xã Gio Châu	282.000	282.000	0.000	100.0
7	Xã Gio Hải	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
8	Xã Gio Hòa	282.000	282.000	0.000	100.0
9	Xã Gio Mỹ	282.000	282.000	0.000	100.0
10	Xã Gio Phong	1,826.000	1,826.000	0.000	100.0
11	Xã Gio Quang	846.000	846.000	0.000	100.0
12	Xã Gio Sơn	282.000	282.000	0.000	100.0
13	Xã Gio Thành	282.000	282.000	0.000	100.0
14	Xã Hải Thái	282.000	282.000	0.000	100.0
15	Xã Linh Hải	282.000	282.000	0.000	100.0
16	Xã Trung Giang	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
17	Xã Trung Hải	282.000	282.000	0.000	100.0
18	Xã Trung Sơn	282.000	282.000	0.000	100.0
19	Xã Vĩnh Trường	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
IV	Huyện Đakrông	14,664.090	13,912.790	751.210	94.9
1	Xã A Bung	1,128.000	1,021.557	106.443	90.6
2	Xã A Ngo	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
3	Xã A Vao	1,128.000	1,120.616	7.384	99.3
4	Xã Tà Rụt	1,128.000	805.259	322.741	71.4
5	Xã Húc Nghi	1,128.000	1,093.630	34.370	97.0
6	Xã Ba Nang	1,128.000	1,105.167	22.833	98.0
7	Xã Tà Long	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
8	Xã Đakrông	1,128.000	1,123.092	4.908	99.6
9	Xã Hướng Hiệp	1,128.000	1,036.990	91.010	91.9
10	Xã Mò Ó	1,128.000	1,096.787	31.213	97.2
11	Xã Triệu Nguyên	1,128.000	1,045.210	82.790	92.7
12	Xã Ba Lòng	1,128.000	1,117.565	10.435	99.1
13	Xã Hải Phúc	1,128.000	1,090.917	37.083	96.7
V	Thị xã Quảng Trị	282.000	282.000	0.000	100.0
	Xã Hải Lệ	282.000	282.000	0.000	100.0
VI	Huyện Vĩnh Linh	11,158.000	11,011.110	146.890	98.7
1	Xã Vĩnh Tú	282.000	282.000	0.000	100.0
2	Xã Vĩnh Trung	282.000	275.130	6.870	97.6
3	Xã Vĩnh Hòa	282.000	282.000	0.000	100.0
4	Xã Vĩnh Hiền	282.000	282.000	0.000	100.0
5	Xã Vĩnh Thành	282.000	282.000	0.000	100.0
6	Xã Vĩnh Lâm	282.000	282.000	0.000	100.0
7	Xã Vĩnh Nam	282.000	282.000	0.000	100.0
8	Xã Vĩnh Ô	1,128.000	1,088.580	39.420	96.5
9	Xã Vĩnh Thái	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
10	Xã Vĩnh Giang	1,128.000	1,100.000	28.000	97.5

Stt	Đơn vị	KH2017	Đã giải ngân	Còn lại	Tỷ lệ
11	Xã Vĩnh Tân	570.000	570.000	0.000	100.0
12	Xã Vĩnh Sơn	1,846.000	1,846.000	0.000	100.0
13	Xã Vĩnh Long	846.000	795.630	50.370	94.0
14	Xã Vĩnh Thạch	282.000	281.670	0.330	99.9
15	Xã Vĩnh Thủy	282.000	263.310	18.690	93.4
16	Xã Vĩnh Kim	282.000	282.000	0.000	100.0
17	Xã Vĩnh Chấp	282.000	282.000	0.000	100.0
18	Xã Vĩnh Khê	1,128.000	1,128.000	0.000	100.0
19	Xã Vĩnh Hà	282.000	278.790	3.210	98.9
VII	Huyện Hướng Hóa	19,740.000	17,940.571	1,799.429	90.9
1	Xã A Dơi	1,128.000	1,116.080	11.920	98.9
2	Xã A Túc	1,128.000	1,116.906	11.094	99.0
3	Xã A Xing	1,128.000	1,109.885	18.115	98.4
4	Xã Ba Tầng	1,128.000	1,062.413	65.588	94.2
5	Xã Húc	1,128.000	1,105.738	22.262	98.0
6	Xã Hướng Lập	1,128.000	1,102.738	25.262	97.8
7	Xã Hướng Linh	1,128.000	1,114.974	13.026	98.8
8	Xã Hướng Lộc	1,128.000	1,111.369	16.631	98.5
9	Xã Hướng Phùng	1,128.000	1,119.906	8.094	99.3
10	Xã Hướng Sơn	1,128.000	1,122.682	5.318	99.5
11	Xã Hướng Tân	1,128.000	1,112.593	15.407	98.6
12	Xã Hướng Việt	1,128.000	1,111.875	16.125	98.6
13	Xã Tân Hợp	282.000	282.000	0.000	100.0
14	Xã Tân Lập	846.000	845.800	0.200	100.0
15	Xã Tân Liên	282.000	282.000	0.000	100.0
16	Xã Tân Long	282.000	282.000	0.000	100.0
17	Xã Tân Thành	1,128.000	1,109.881	18.119	98.4
18	Xã Thanh	1,128.000	735.179	392.821	65.2
19	Xã Thuận	1,128.000	1,096.553	31.447	97.2
20	Xã Xy	1,128.000	0.000	1,128.000	0.0
VIII	Huyện Cam Lộ	4,956.000	4,935.231	20.769	99.6
1	Xã Cam An	282.000	282.000	0.000	100.0
2	Xã Cam Thanh	1,346.000	1,331.799	14.201	98.9
3	Xã Cam Thủy	282.000	278.989	3.011	98.9
4	Xã Cam Hiếu	1,500.000	1,499.057	0.943	99.9
5	Xã Cam Tuyền	282.000	282.000	0.000	100.0
6	Xã Cam Thành	282.000	280.040	1.960	99.3
7	Xã Cam Chính	700.000	700.000	0.000	100.0
8	Xã Cam Nghĩa	282.000	281.346	0.654	99.8

Biểu 2

**KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2017 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (Nguồn vốn sự nghiệp NSTW)**

(Kèm theo Báo cáo 23/BC-VPĐP ngày 05/3/2017 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Dự án	KH 2017	Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Còn lại	Ghi chú (Đơn vị giải ngân chậm)
	TỔNG	27,900.00	24,096.66	86.37	3,803.35	
A	Vốn sự nghiệp phân bổ đợt 1	26,900.00	23,096.66	85.86	3,803.35	
I	Duy tu bảo dưỡng	1,755.00	1,752.87	99.9	2.135	
II	Kinh phí quản lý và chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp	1,870.00	1,870.00	100	0	
III	Tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới	1,150.00	1,150.00	100	0	
IV	Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn	7,850.00	7,200.00	91.7	650	Đoàn KT quốc phòng 337: 150 triệu; Huyện Hướng Hóa 350 triệu; thị xã Quảng Trị 150 triệu
V	Thực hiện các mục tiêu của các Chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 chuyển qua	14,275.00	11,123.80	547.61	3,151.22	
1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	5,000.00	4,916.05	98.3	83.951	Hướng Hóa, thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh
2	Dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn	3,475.00	2,039.29	58.7	1435.707	Cấp nước xã Gio Quang 950 triệu ; cấp nước Cam Hiếu - Cam Thủy: 479 triệu

Sst	Dự án	KH 2017	Đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Còn lại	Ghi chú (Đơn vị giải ngân chậm)
3	Dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	500.00	500	100.0	0.01	
4	Dự án phát triển cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	500.00	500	100.0	0	
5	Dự án phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	2,500.00	2,498.45	99.9	1.547	Huyện Hướng Hóa, Cam Lộ
6	Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng	1,800.00	300	16.7	1,500.00	
7	Dự án tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở cho các huyện	500.00	370.00	74.0	130	Huyện Hải Lăng, huyện Đakrông: 65 triệu chưa giải ngân
B	Vốn sự nghiệp bổ sung đợt 2	1,000.00	1,000.00	100.0	-	

Biểu 3

**GIẢI NGÂN VỐN KHEN THƯỞNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI KẾ HOẠCH 2017 (NSTW)**

(Kèm theo Báo cáo số 23 /BC-VPPĐ ngày 05/3/2018 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

	Đơn vị	KH2017	Đã giải ngân	Còn lại	Tỷ lệ
	TỔNG	16,000.000	11,317.000	4,683.000	70.7
I	Đợt 1	11,000.000	11,000.000	0.000	100.0
1	Cấp huyện	6,900.000	6,900.000	0.000	100.0
	UBND huyện Vĩnh Lĩ	6,900.000	6,900.000	0.000	100.0
2	Cấp xã	4,100.000	4,100.000	0.000	
-	Vĩnh Kim	683.000	683.000	0.000	100.0
-	Vĩnh Thạch	683.000	683.000	0.000	100.0
-	Vĩnh Thủy	683.000	683.000	0.000	100.0
-	Triệu Thành	685.000	685.000	0.000	100.0
-	Hải Thượng	683.000	683.000	0.000	100.0
-	Tân Hợp	683.000	683.000	0.000	100.0
II	Đợt 2	5,000.000	317.000	9,366.000	6.3
1	Cấp huyện	3,100.000	0.000	3,100.000	0.0
-	UBND huyện Vĩnh Lĩ	3,100.000		3,100.000	0.0
2	Cấp xã	1,900.000	317.000	1,583.000	16.7
-	Vĩnh Kim	317.000		317.000	0.0
-	Vĩnh Thạch	317.000		317.000	0.0
-	Vĩnh Thủy	317.000		317.000	0.0
-	Triệu Thành	315.000		315.000	0.0
-	Hải Thượng	317.000	317.000	0.000	100.0
-	Tân Hợp	317.000		317.000	0.0

Biểu 4

**GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH 2017 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI (NSDP)**

(Kèm theo Báo cáo số 23 /BC-VPPĐ ngày 05/3/2018 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Đã giải ngân	Còn lại	Tỷ lệ
	TỔNG	20,000	16,089	3,911	80.44
I	Cấp bù lãi suất	3,700	-	3,700	-
II	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016	11755.05	11555.958	199.092	98.3
1	Vĩnh Tú	1168	1164.94	3.06	99.7
2	Vĩnh Trung	1168	1038.77	129.23	88.9
3	Vĩnh Hòa	1168	1142.1	25.9	97.8
4	Gio Hòa	713	713	0	100.0
5	Gio An	1268	1256	12	99.1
6	Triệu Đại	1468	1464	4	99.7
7	Triệu Đông	1068	1068	0	100.0
8	Hải Lâm	768	768	0	100.0
9	Hải Tân	1148	1148	0	100.0
10	Cam Thủy	963	942.301	20.699	97.9
11	Cam Nghĩa	855.05	850.847	4.203	99.5
III	Khen thưởng đạt chuẩn năm 2015	3000	2987.82	12.18	99.6
1	Vĩnh Hiền	300	298.82	1.18	99.6
2	Vĩnh Thành	300	300	0	100.0
3	Vĩnh lâm	300	300	0	100.0
4	Vĩnh Nam	300	300	0	100.0
5	Cam An	300	292	8	97.3
6	Hải Phú	300	300	0	100.0
7	Hải Lệ	300	300	0	100.0
8	Triệu Trạch	300	297	3	99.0
9	Triệu Phước	300	300	0	100.0
10	Gio Sơn	300	300	0	100.0
IV	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017	1544.95	1544.95	0	100.0